

THỰC ĐƠN

Thời gian ăn từ ngày 05/01/2025 đến ngày 31/01/2025
Số lượng người ăn: 67 em

Bữa sáng							Bữa trưa					Bữa tối						
Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ nhất ngày 04/01/2026	Gia vị mắm muối tháng 01	Dầu ăn Neptune	Lít	20	75,000	1,500,000												
		Mì chính Vdan	kg	8	75,000	600,000												
		Muối Iốt sạch	Gói	8	12,000	96,000												
		Nước rửa bát Sun	Chai	61	37,500	2,287,500												
		Ga	Bình	4	500,000	2,000,000												
Thứ hai ngày 5/01/2026	Cà xoong				22,400													
	Tổng tiền					6,505,900												
	Xôi	Xôi	Gói	67	6,000	402,000	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát		Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát	
							Sườn rang, hành	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000	Thịt lợn rang, vai, ba chỉ	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	Canh rau cải	Rau cải	kg	7	25,000	175,000
Thứ ba ngày 6/01/2026							Hành lá	kg	0.6	65,000	39,000							
	Tổng tiền					402,000					1,271,000					1,218,000		
	Canh mì tôm	Mì tôm kokomi 65gr	Gói	67	3,700	247,900	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát		Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát	
						Đậu kho thịt	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000	Sườn rang	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000	
						Canh bí	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	Đậu kho hành	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	
							Bí xanh	kg	8	21,000	168,000	Canh bí	Bí xanh	kg	8	21,000	168,000	
							Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500	Hành lá	Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500	

Bữa sáng										Bữa trưa					Bữa tối				
Thứ, ngày	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ tư 07/01/2026	Tổng tiền					247,900							1,370,500					1,419,500	
	Xôi	Xôi	Gói	67	6,000	402,000	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát		Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát		
							Trứng rán	Giò nạc	kg	4	169,000	676,000	Thịt lợn rang	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000	
							Giò	Trứng vịt	quả	70	4,700	329,000	Đầu sốt cà chua	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	Canh rau cải	Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500	
								Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500		Đậu phụ	kg	5	28,000	140,000	
														Cà chua	kg	4	50,000	200,000	
Thứ năm 8/1/2026	Tổng tiền					402,000							1,164,500					1,542,500	
	Canh mì tôm	Mì tôm kokomi	Gói	67	3,700	247,900	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát		Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát		
							Đầu kho thịt	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000	Sườn rang	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000	
							Canh bí	Cà chua	kg	4	50,000	200,000	Đầu kho hành	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	
								Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	Canh bí	Bí xanh	kg	8	21,000	168,000	
Thứ sáu 09/1/2026	Tổng tiền					247,900							1,551,000					1,400,000	
	Xôi	Xôi	Gói	67	6,000	402,000	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát		Cơm tẻ						
							Trứng rán	Trứng vịt	quả	70	4,700	329,000							
							Đầu sốt cà chua	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000							
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000							
								Cà chua	kg	2	50,000	100,000							

Bữa sáng						Bữa trưa				Bữa tối				
Thứ, ngày	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá	Thành Tiền
Thứ hai ngày 12/01/2026	Tổng tiền					402,000						709,000		0
	Xôi	Xôi	Gói	67	6,000	402,000	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát	Cơm tẻ	Gạo	Cấp phát
							Sườn rang,hành	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	1,043,000
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	Canh rau cải	25,000
								Hành lá	kg	0.6	65,000	39,000		175,000
Thứ ba ngày 13/01/2026	Tổng tiền					402,000						1,271,000		1,218,000
	Canh mì tôm	Mì tôm kokomi 65gr	Gói	67	3,700	247,900	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát	Cơm tẻ	Gạo	Cấp phát
							Đầu kho thịt	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000	Xương sườn	156,000
							Canh bí	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	Đậu phụ	28,000
								Bí xanh	kg	8	21,000	168,000	Bí xanh	21,000
								Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500	Hành lá	65,000
Thứ tư ngày 14/01/2026	Tổng tiền					247,900						1,370,500		1,419,500
	Xôi	Xôi	Gói	67	6,000	402,000	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát	Cơm tẻ	Gạo	Cấp phát
							Trứng rán	Giò nạc	kg	4	169,000	676,000	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	149,000
							Giò	Trứng vịt	quả	70	4,700	329,000	Rau cải	20,000
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	Hành lá	65,000
								Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500	Đậu phụ	28,000
	Tổng tiền					402,000						1,164,500		1,542,500
	Canh mì tôm	Mì tôm kokomi 65gr	Gói	67	3,700	247,900	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát	Cơm tẻ	Gạo	Cấp phát

[illegible]

Bữa sáng							Bữa trưa							Bữa tối						
Thứ, ngày	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền		
Thứ tư ngày 21/01/2026	Tổng tiền																	1,419,500		
	Xôi	Xôi		Gói	67	6,000	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát		
							Trứng rán	Giò nạc	kg	4	169,000	676,000	Thịt lợn rang, hành	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000		
							Giò	Trứng vịt	quả	70	4,700	329,000	Đậu sốt cà chua	Rau cải	kg	7	20,000	140,000		
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	Canh rau cải	Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500		
Thứ năm ngày 22/01/2026	Tổng tiền																	1,542,500		
	Canh mi tôm	Mì tôm kokomi		Gói	67	3,700	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát		
							Đậu kho thịt	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000	Sườn rang	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000		
							Canh bí	Cà chua	kg	4	50,000	200,000	Đậu kho hành	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000		
								Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	Canh bí	Bí xanh	kg	8	21,000	168,000		
Tổng tiền																	1,400,000			
Thứ sáu ngày 23/01/2026	Xôi	Xôi		Gói	67	6,000	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát	Com tẻ							
							Trứng rán	Trứng vịt	quả	70	4,700	329,000								
							Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000								
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000								
								Cà chua	kg	2	50,000	100,000								
Tổng tiền																	0			
Thứ hai	Xôi	Xôi		Gói	67	6,000	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát		
							Sườn rang,hành	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000	Thịt lợn rang, hành	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000		

Bữa sáng							Bữa trưa							Bữa tối						
Thứ, ngày	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền		
Thứ ba ngày 26/01/2026							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	Canh rau cải	Rau cải	kg	7	25,000	175,000		
								Hành lá	kg	0.6	65,000	39,000								
Tổng tiền						402,000						1,271,000					1,218,000			
Thứ ba ngày 27/01/2026	Canh mì tôm	Mì tôm kokomi 65gr	Gói	67	3,700	247,900	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát		
							Đậu kho thịt	Thịt lợn mỏng, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000	Sườn rang	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000		
							Canh bí	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	Đầu kho hành	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000		
								Bí xanh	kg	8	21,000	168,000	Canh bí	Bí xanh	kg	8	21,000	168,000		
								Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500		Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500		
Tổng tiền						247,900						1,370,500					1,419,500			
Thứ tư ngày 28/01/2026	Xôi	Xôi	Gói	67	6,000	402,000	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát		
							Trứng rán	Giò nạc	kg	4	169,000	676,000	Thịt lợn rang hành	Thịt lợn mỏng, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000		
							Giò	Trứng vịt	quả	70	4,700	329,000	Đậu sốt cà chua	Rau cải	kg	7	20,000	140,000		
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000	Canh rau cải	Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500		
								Hành lá	kg	0.3	65,000	19,500		Đậu phụ	kg	5	28,000	140,000		
Tổng tiền						402,000						1,164,500					200,000	1,542,500		
Thứ năm ngày 29/01/2026	Canh mì tôm	Mì tôm kokomi 65gr	Gói	67	3,700	247,900	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát	Com tẻ	Gạo	Kg	17.0		Cấp phát		
							Đậu kho thịt	Thịt lợn mỏng, vai, ba chỉ	Kg	7	149,000	1,043,000	Sườn rang	Xương sườn	kg	7	156,000	1,092,000		
							Canh bí	Cà chua	kg	4	50,000	200,000	Đầu kho hành	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000		
								Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000	Canh bí	Bí xanh	kg	8	21,000	168,000		
								Bí xanh	kg	8	21,000	168,000								

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối			
	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
Thứ sáu ngày 30/01/2026	Tổng tiền					247,900						1,551,000
	Xôi	Xôi	Gói	67	6,000	402,000	Cơm tẻ	Gạo	Kg	17.0	Cấp phát	
							Trứng rán	Trứng vịt	quả	70	4,700	329,000
							Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	Kg	5	28,000	140,000
							Canh rau	Rau cải	kg	7	20,000	140,000
Tổng tiền						402,000		Cà chua	kg	2	50,000	100,000
												709,000
												0

Người lập
(Ký, họ tên)

Lò Thị Diễm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lò Văn Bình